TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày 21-7-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoa.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1959 (ông C vắng mặt, bà M có mặt).

Địa chỉ: Tổ 08, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phan Văn C: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1959 (văn bản ủy quyền ngày 26-02-2020, có mặt).

Địa chỉ: Tổ 08, ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Đỗ Như Bảo N, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 72H khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Số 15 đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Số nhà 72H khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau nên khi cần vợ chồng ông Nguyễn Duy Đ, bà Đỗ Như Bảo N thường vay tiền của vợ chồng ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M để giải quyết công việc hoặc đáo hạn ngân hàng.

Đầu tháng 10-2019, bà N đến hỏi vay ông C, bà M 2.000.000.000đ với mục đích để đáo hạn ngân hàng và được bà M đồng ý.

Ngày 03-10-2019, tại Văn phòng Công chứng Lam Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hai bên tiến hành ký hợp đồng vay tiền với nội dung:

Bà M cho bà N vay 2.000.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận tính theo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm vay nhưng không ghi trong hợp đồng (lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, tương đương 2.000.000đ/ngày), mục đích vợ chồng ông Đ, bà N vay để đáo hạn ngân hàng, do tin tưởng ông Đ, bà N là người làm ăn đàng hoàng nên bà M không yêu cầu thế chấp tài sản (ông Đ công tác tại Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Hợp đồng vay tiền đã được Văn phòng Công chứng Lam Sơn công chứng số 1023, quyển số 01/CC-SCC/HĐGD ngày 03-10-2019.

Cùng ngày bà M đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đất Đỏ (sau đây gọi là Ngân hàng BIDV) làm thủ tục ủy nhiệm chi chuyển khoản cho bà N 2.000.000.000đ theo số tài khoản 050100585828 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Thương tín – Chi nhánh Vũng Tàu (sau đây gọi là Ngân hàng Sacombank)

Đến ngày 04-10-2019, bà N tiếp tục đến gặp bà M trình bày hàng của công ty bà N đã về đến kho nhưng chưa kịp giải ngân nên xin vay thêm 500.000.000đ để giải quyết công việc, do tin tưởng nên bà M đồng ý cho vay thêm 500.000.000đ với thỏa thuận như trên. Đối với số tiền vay 500.000.000đ ngày 04-10-2020 hai bên không làm giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau.

Ngày 12-10-2019, bà N đến gặp bà M xin gia hạn thời hạn thanh toán thêm 10 ngày (đến ngày 22-10-2019) sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vay và tiền lãi và đến ngày 26-10-2019, bà N tiếp tục đến gặp bà M xin gia hạn thêm 10 ngày (đến ngày

06-11-2019) sẽ thanh toán, nhưng sau đó không thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi theo thỏa thuận. Do đã cho vay và tin tưởng vào uy tín, khả năng thanh toán nợ của ông Đ, bà N nên bà M không còn cách nào khác phải đồng ý cho gia hạn thêm thời gian thanh toán, nhưng đến nay ông Đ, bà N vẫn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi.

Khi đến vay bà N nói với bà M vay để đáo hạn ngân hàng đối với khoản vay của ông Đ, bà N tại Ngân hàng Sacombank và thanh toán tiền hàng nên bà M mới đồng ý cho vay, do đó khoản vay này là nợ chung của vợ chồng nên ông Đ, bà N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông C, bà M. Còn sau khi vay xong ông Đ, bà N sử dụng vào mục đích gì bà M không biết.

Vì vậy, ông C, bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà N phải liên đới thanh toán khoản nợ gốc 2.500.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận 3%/tháng.

Bị đơn bà Đỗ Như Bảo N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị đơn bà Đỗ Như Bảo N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000đ vay ngày 04-10-2019 và xác nhận yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà N phải thanh toán khoản nợ gốc 2.000.000.000đ vay ngày 03-10-2019 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10/%năm tính từ ngày 03-10-2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng đề nghị tính tròn 09 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghã vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải thanh toán cho bà M 2.000.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay trên. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ cùng liên đới thanh toán nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy Đ, bà Đỗ Như Bảo N phải thanh toán khoản nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/tháng theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Lam Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 1023, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-10-2019 được xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông C vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có mặt; ông Đ và bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Trong qúa trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản vay 500.000.000đ ngày 04-10-2019 và yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 10%/năm là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Ngày 03-10-2019, bà M cho bà N vay 2.000.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày kể từ ngày hợp đồng được chứng nhận, lãi suất do hai bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay (lãi suất thỏa thuận 3%/tháng tương đương 2.000.000đ/ngày), mục đích vay đáo hạn ngân hàng và không thế chấp tài gì. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Lam Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 1023, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Đến ngày 12-10-

2019 bà N xin gia hạn thêm thời hạn thanh toán 10 ngày (đến ngày 22-10-2019), được bà M đồng ý (bà N có ký xác nhận vào mặt sau của hợp đồng vay tiền) và đến ngày 26-10-2019 bà N tiếp tục xin gia hạn thêm thời hạn thanh toán 10 ngày (đến ngày 06-11-2019), cũng được bà M đồng ý (bà N có ký xác nhận vào mặt sau của hợp đồng vay tiền). Hết thời hạn vay theo thỏa thuận bà N không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận nên ông C, bà M khởi kiện yêu cầu thanh toán.

[4.2] Căn cứ vào các chứng cứ do ông C và bà M cung cấp trong quá trình tố tụng là Hợp đồng vay tiền ngày 03-10-2019 và Ủy nhiệm chi số 0029 ngày 03-10-2019 do Ngân hàng BIDV phát hành thì Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định quan hệ vay mượn giữa ông C, bà M với với bà N là có thật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Theo đó, ngày 03-10-2019 ông C, bà M cho bà N vay 2.000.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày với lãi suất 3%/tháng, đã hết thời hạn vay theo thỏa thuận và gia hạn thời hạn thanh toán nợ nhưng bà N không thanh toán nợ gốc và nợ lãi nên ông C, bà M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình tố tụng ông Đ, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật nên phải chịu hậu quả về việc vắng mặt và việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ông C, bà M khởi kiện yêu cầu thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Tại Hợp đồng vay tiền số công chứng 1023, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-10-2019 thể hiện lãi suất vay do hai bên thỏa thuận tính theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay (theo bà M là 3%/tháng). Như vậy, việc vay là có lãi và mức lãi suất do các bên thỏa thuận 3%/tháng tương đương 36%/năm là cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nhưng trong quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi yêu cầu về tính lãi suất yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có cơ sở để chấp nhận. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông C, bà M yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 03-10-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là hơn 09 tháng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi 09 tháng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Như vậy, tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 2.000.000.000đ x 10%/năm x 9 tháng/12 = 150.000.000đ.

[6] Xét yêu cầu của ông C, bà M về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ thì thấy: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 03-10-2019 chỉ có một mình bà N ký tên không có ông Đ tham gia và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông C, bà M không chứng minh được việc bà N vay tiền về để sử dụng vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình mà chỉ nêu là đáo hạn ngân hàng và thanh toán tiền hàng. Do đó, Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để

buộc ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán mà chỉ tuyên buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông C, bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, bà M. Buộc bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C, bà M 2.150.000.000đ (trong đó nợ gốc 2.000.000.000đ và nợ lãi 150.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà M về việc yêu cầu ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán 2.150.000.000đ.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C, bà M được Tòa án chấp nhận nên bà N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ + (150.000.000đ x 2%) = 75.000.000đ. .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 228, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy Đ, bà Đỗ Như Bảo N phải thanh toán khoản vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng ngày 04-10-2019 và tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M đối với bà Đỗ Như Bảo N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đỗ Như Bảo N phải thanh toán cho ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M 2.150.000.000 (hai tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng (trong đó nợ nợ gốc 2.000.000.000đ và nợ lãi 150.000.000đ), theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Lam Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 1023, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-10-2019.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn C, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông Nguyễn Duy Đ liên đới thanh toán số tiền 2.150.000.000 (hai tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Như Bảo N phải nộp 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủy tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Đức